UBND HUYỆN KHOÁI CHÂU
TRƯỜNG TIỂU HỌC KHOÁI CHÂU

Số: 13/QĐ-THKC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Khoái Châu, ngày 17 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
V/v công khai quyết toán thu - chi Ngân sách và Tiền gửi năm 2025

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1031/QĐ-UBND của UBND xã Khoái Châu ngày 19/9/2025 về giao chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước năm 2025 xã Khoái Châu;

Căn cứ Biên bản quyết toán số 05/BB-THKC ngày 13/01/2026.

Căn cứ Biên bản công khai quyết toán số 10/BB-THKC ngày 16/01/2026.

Căn cứ Bảng đối chiếu ngân sách năm 2025 tại KBNN.

Xét đề nghị của đồng chí kế toán trường Tiểu học Khoái Châu;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai quyết toán số liệu Ngân sách và Tiền gửi năm 2025 của Trường Tiểu học Khoái Châu.

***Ngân sách:**

STT	Nội dung	Số tiền chi	Ghi chú
I	**KP không thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm**	**919.992.000**	**Nguồn 12**
1	Vật tư văn phòng	24.000.000	
2	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	699.998.000	
3	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	96.994.000	
4	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	79.000.000	
5	Mua sắm tài sản vô hình	20.000.000	
II	**KP thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm**	**10.323.810.438**	**Nguồn 13**
1	Tiền lương	4.492.367.328	

Scanned with CamScanner

2	Phụ cấp lương	2.708.547.845	
3	Tiền thưởng	45.468.400	
4	Phúc lợi tập thể	43.500.000	
5	Các khoản đóng góp	1.233.656.911	
6	Thanh toán dịch vụ công cộng	96.153.747	
7	Vật tư văn phòng	88.452.568	
8	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	9.336.000	
9	Hội nghị	41.015.000	
10	Công tác phí	27.680.000	
11	Chi phí thuê mướn	290.641.000	
12	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	260.177.204	
13	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	556.554.000	
14	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	133.838.835	
15	Chi khác	296.421.600	
III	**KP không thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm**	**7.900.000**	**Nguồn 15**
1	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	7.900.000	
IV	**Kinh phí tự chủ tự chịu trách nhiệm**	**439.373.376**	**Nguồn 18**
1	Tiền thưởng	439.373.376	
V	**Phần dự toán hủy**	**8.000**	
	Cộng:	**11.691.083.814**	

***Tiền gửi:**

STT	Tên danh mục thu	Số dư đầu kỳ	Số tiền thu được	Tổng thu	Số tiền quyết năm	Số dư cuối năm học
1	Tiền điện thắp sáng	717.274	0	717.274	0	**717.274**

Scanned with CamScanner

2	Tiền thuê dọn vệ sinh	28.190.450	0	28.190.450	28.161.390	**29.060**
3	Tiền nước uống	23.784.340	84.384.000	108.168.340	58.752.620	**49.415.720**
4	Tiền trông xe đạp	4.833.860	13.390.000	18.223.860	9.952.720	**8.271.140**
5	Tiền bảo hiểm	2.592.946	64.225.607	66.818.553	65.673.105	**1.145.448**
6	Tiền gửi khác	522.500	18.720.000	19.242.500	18.720.000	**522.500**
7	Tiền Quỹ nhân đạo	6.593.000	0	6.593.000	6.500.000	**93.000**
8	Lãi tiền gửi	514.261	235.553	749.814	180.000	**569.814**
	CỘNG	**67.748.631**	**180.955.160**	**248.703.791**	**187.939.835**	**60.763.956**

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận tài chính Nhà trường tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- CBGVNV toàn trường
- Lưu VT;

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TIỂU HỌC KHOÁI CHÂU

Vũ Thị Phượng

Scanned with CamScanner